

# LẬP TRÌNH WEB

Phần I:

Các khái niệm cơ bản

# NỘI DUNG



- **Chương I:** Một số khái niệm cơ bản
- **Chương II:** Ngôn ngữ HTML
- **Chương III:** Phân loại và các bước tạo trang web
- **Chương IV:** Tạo website với VS2013

# Chương I: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

- Mạng Internet là gì?
- Các dịch vụ quan trọng trên mạng Internet
  - ❖ Dịch vụ FTP
  - ❖ Dịch vụ Telnet
  - ❖ Dịch vụ Mail
  - ❖ Dịch vụ Web
- Dịch vụ World Wide Web (Web)
  - ❖ Trình duyệt Web (Web Browser)
  - ❖ Phục vụ Web (Web Server)



# Chương I: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN (tt)

## ❖ Web site, trang web:

- Trang Web: trang thông tin có chứa các siêu văn bản
- Trang chủ (Homepage): trang đầu tiên của trang Website
- Web site là một vị trí trên Internet (nơi cung cấp dịch vụ web).

## ❖ URL (Uniform Resource Location):

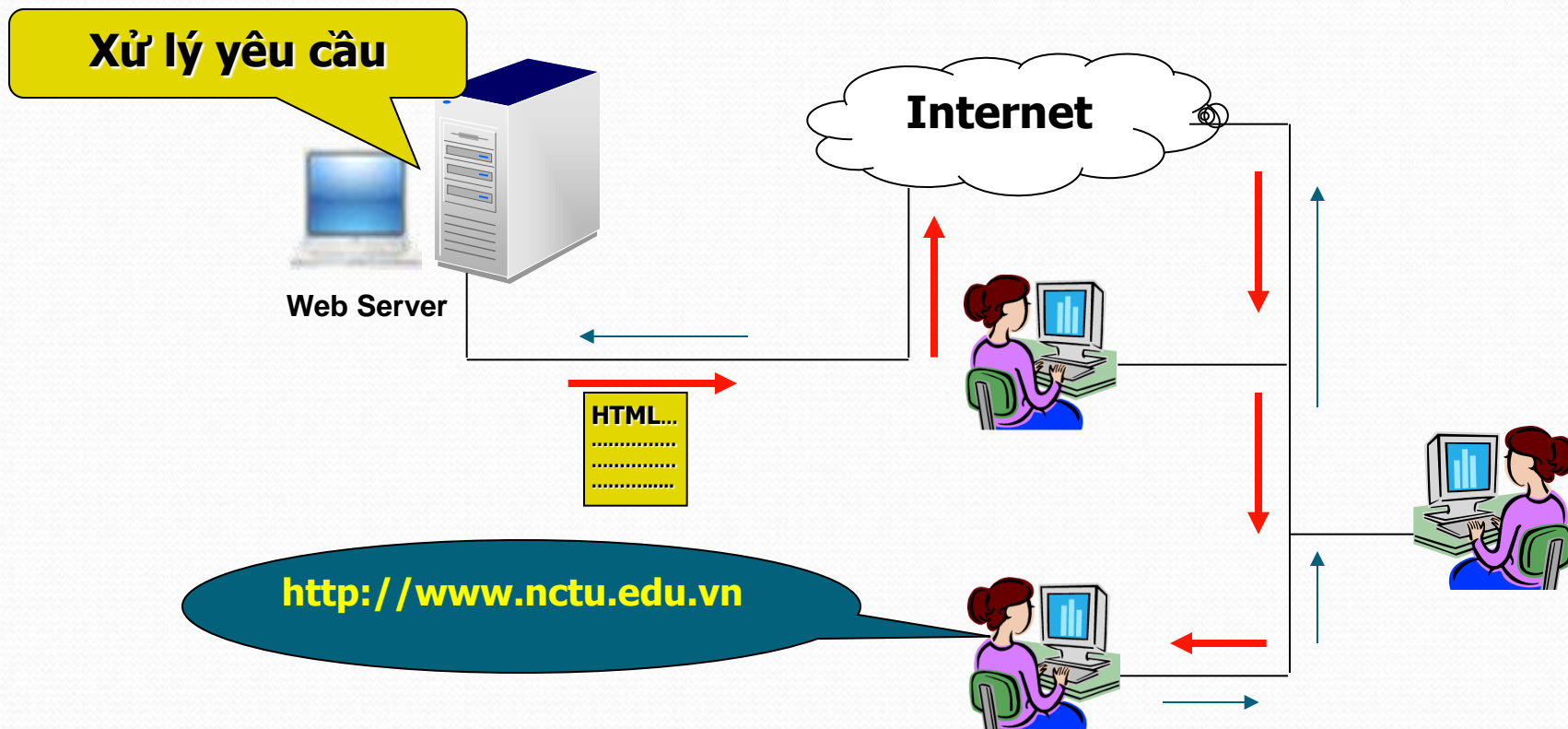
- Là địa chỉ để định vị các nguồn tài nguyên trên Web.
- Cấu trúc của một URL:

**<Giao thức>://<tên miền>[/Path]/[Document]**

**Ví dụ:** <http://www.pdu.edu.vn/khoacntt/index.php>

# Chương I: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN (tt)

## ❖ Mô hình hoạt động của dịch vụ Web:



# Chương II:

## Phân loại trang web và các bước xây dựng một trang web



# Phân loại trang web

- Dựa vào công nghệ phát triển, có 2 loại:
  - Web tĩnh:
    - Dễ phát triển
    - Tương tác yếu
    - Sử dụng HTML
    - Người làm web tĩnh thường dùng các công cụ trực quan để tạo ra trang web
  - Web động:
    - Khó phát triển hơn
    - Tương tác mạnh
    - Sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau
    - Thường phải viết nhiều mã lệnh

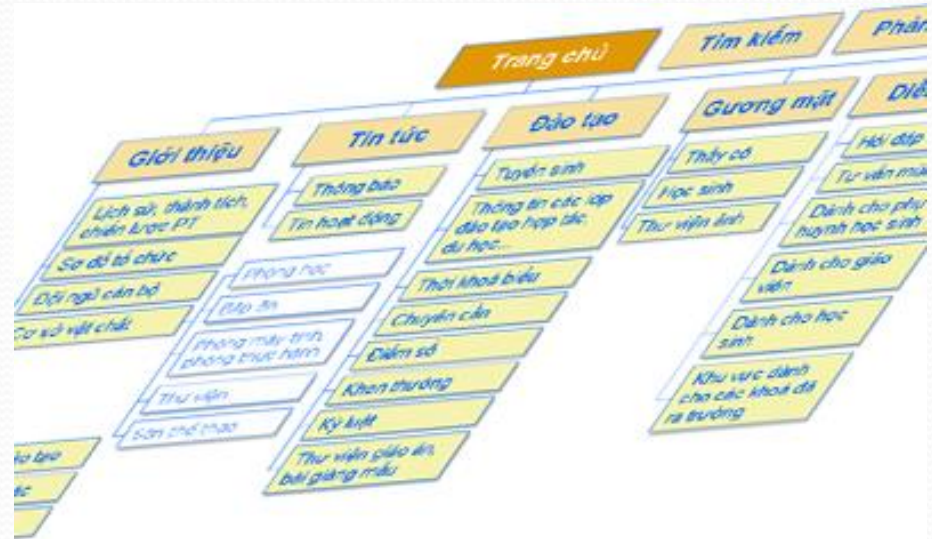
# Các bước

- Tương tự với phân tích và thiết kế hệ thống.
  - Đặc tả
  - Phân tích
  - Thiết kế
  - Lập trình
  - Kiểm thử



# Một số điều cần chú ý

- Đặc tả:
  - Web để làm gì?
  - Ai dùng?
  - Trình độ người dùng?
  - Nội dung, hình ảnh?
- Phân tích
  - Mối liên quan giữa các nội dung?
  - Thứ tự các nội dung?



# Một số điều cần chú ý (tt)

- Thiết kế
  - Sơ đồ cấu trúc website
  - Giao diện
  - Tĩnh hay động
  - CSDL
  - Nội dung từng trang
  - Liên kết giữa các trang
- Xây dựng
  - Cấu trúc thư mục
  - Các modul dùng chung
  - ...





# Một số điều cần chú ý (tt)

- Kiểm thử
  - Kiểm tra trên nhiều trình duyệt
  - Kiểm tra trên nhiều loại mạng
  - Kiểm tra tốc độ
  - Kiểm tra các liên kết
  - Thử các lỗi bảo mật
  - ...

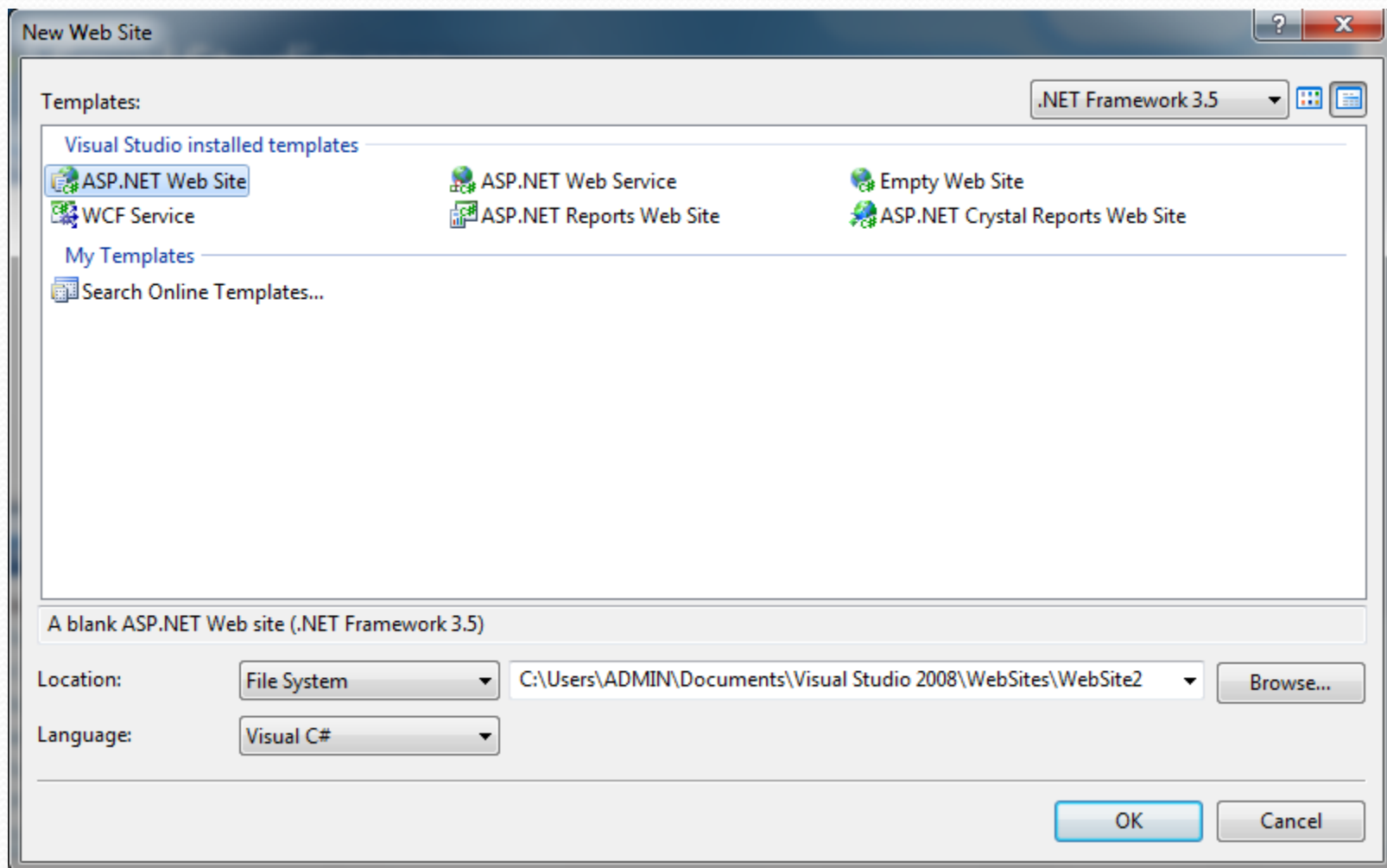




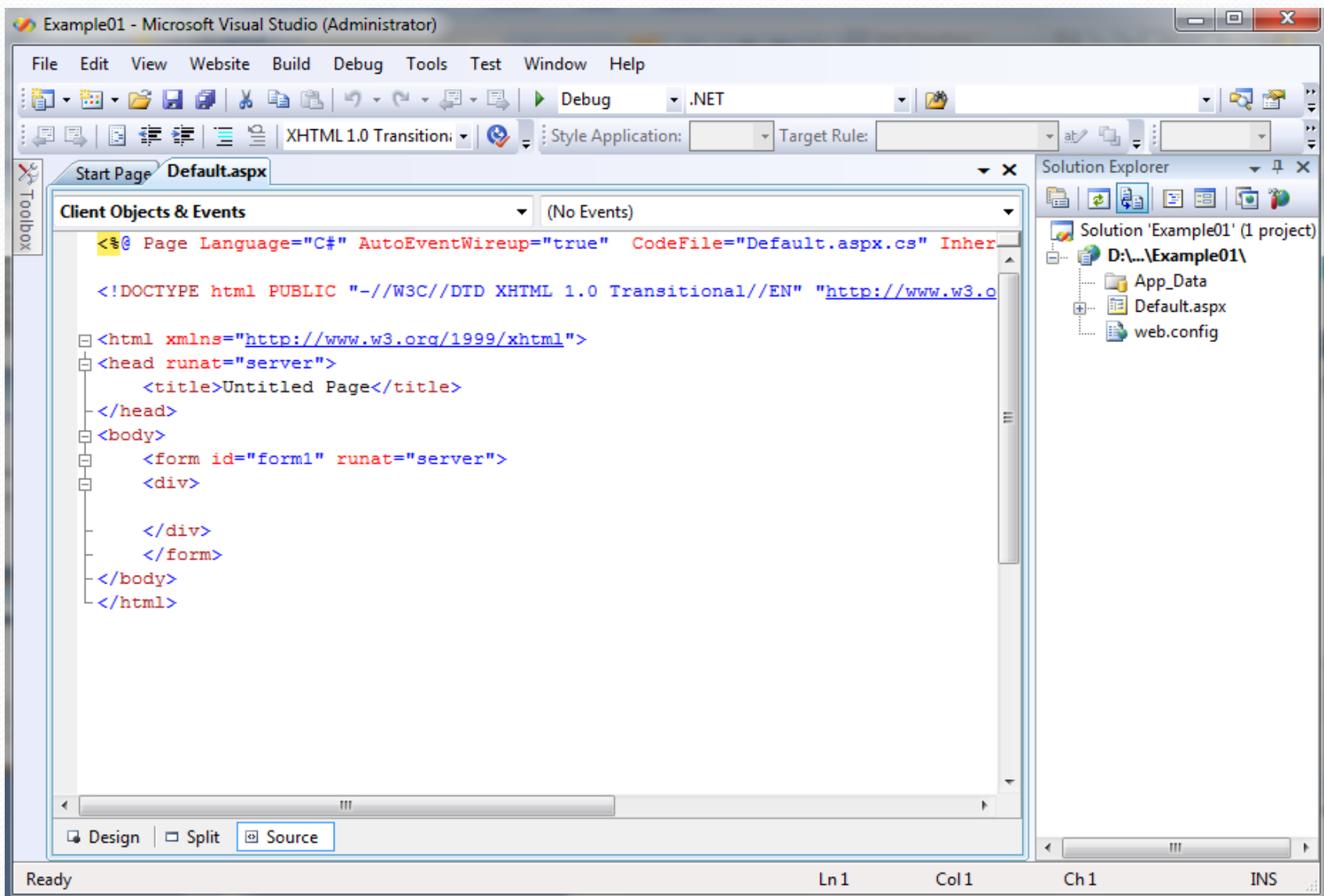
| IE  | Edge * | Firefox | Chrome | Safari | Opera | iOS Safari * | Opera Mini * | Android Browser * | Blackberry Browser | Opera Mobile * | Chrome for Android |
|-----|--------|---------|--------|--------|-------|--------------|--------------|-------------------|--------------------|----------------|--------------------|
| 6   |        | 45      | 50     | 7      | 37    | 7.1          |              | 4                 |                    |                |                    |
| 1 7 |        | 46      | 51     | 7.1    | 38    | 8            |              | 4.1               |                    |                |                    |
| 1 8 |        | 47      | 52     | 8      | 39    | 8.4          |              | 4.3               |                    |                |                    |
| 9   | 12     | 48      | 53     | 9      | 40    | 9.2          |              | 4.4               |                    | 12             |                    |
| 10  | 13     | 49      | 54     | 9.1    | 41    | 9.3          |              | 4.4.4             | 7                  | 12.1           |                    |
| 11  | 14     | 50      | 55     | 10     | 42    | 10.2         | all          | 53                | 10                 | 37             | 55                 |
|     | 15     | 51      | 56     | TP     | 43    |              |              |                   |                    |                |                    |
|     |        | 52      | 57     |        | 44    |              |              |                   |                    |                |                    |
|     |        | 53      | 58     |        |       |              |              |                   |                    |                |                    |

# Chương III: TẠO MỘT WEBSITE VỚI VS2013

- Môi trường test:
  - IIS 7+
  - .Net Framework 4.6.
- Cách thức:
  - Khởi động VS 2013.
  - Chọn File->New->Web Site.







**Publish Web Site**

Target Location: (ftp://..., http://... or drive:\path)

D:\giaotrinh\ASPNET\Example01\_Compiled

☒ Allow this precompiled site to be updatable

☐ Use fixed naming and single page assemblies

☐ Enable strong naming on precompiled assemblies

☒ Use a key file generated with the Strong Name tool

Key file location:

☐ Delay signing

☐ Use a key container

Key container:

☐ Mark assemblies with AllowPartiallyTrustedCallerAttribute (APTCA)

OK Cancel

# Chương IV: NGÔN NGỮ HTML

## (Hypertext Markup Language)

### ■ Giới thiệu HTML:

- ❖ Là ngôn ngữ dùng để lập trình tạo ra các trang web (ở dạng tập tin văn bản đơn giản)
- ❖ HTML dùng các thẻ (tag) để thông báo cho các web browser hiển thị.
- ❖ Hầu hết các web browser đều hiểu được ngôn ngữ HTML

### ■ Cú pháp các thẻ (tag) trong HTML:

- ❖ <Tên thẻ [TT<sub>1</sub> = <GT<sub>1</sub>> TT<sub>2</sub> = <GT<sub>2</sub>>...]>...</Tên thẻ>
- ❖ Ví dụ: Hiển thị dòng chữ “Chao các bạn !” dạng in đậm  
<B>Chào các bạn</B>



## Chương IV: NGÔN NGỮ HTML (tt)

### ■ Cấu trúc trang web tĩnh:

```
<HTML>
<HEAD> <TITLE> ... </TITLE> </HEAD>
<BODY>
    <!-- Nội dung trang web -->
</BODY>
</HTML>
```

### ■ Một số thẻ HTML thông dụng:

- ❖ Thẻ <HTML>: Trang web tĩnh được bắt đầu bằng :<HTML> và kết thúc bằng: </HTML>
- ❖ Thẻ <HEAD>: Phần đầu của trang web
- ❖ Thẻ <TITLE>: Đặt tiêu đề cho trang web (thẻ này nằm trong <HEAD>)

## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

**Ví dụ:** Đặt tiêu đề của trang web là: “Thông báo”

```
<HEAD>
```

```
    <TITLE>Thông báo</TITLE>
```

```
</HEAD>
```

❖ Thẻ <BODY>: Chứa nội dung trang web.

```
<BODY [BACKGROUND=url BGCOLOR=color ...]>
```

Nội dung trang web

```
</BODY>
```

❖ Chú thích trong HTML: dùng dấu <!-- và dấu -->

```
<!-- Nội dung chú thích -->
```



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

- ❖ **Ví dụ:** Tạo trang web với tiêu đề là: “Giới thiệu” và in ra dòng chữ: “Chào các bạn !” ở dạng chữ đậm và nghiêng

```
<HTML>
```

```
<HEAD>
```

```
<TITLE>Giới thiệu</TITLE>
```

```
</HEAD>
```

```
<BODY>
```

```
<B><I>Chào các bạn !</I></B>
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

| Tên thẻ  | Giải thích  | Ví dụ  |
|--|---|--|
| <code>&lt;B&gt;...&lt;/B&gt;</code>  | Dạng chữ đậm  | <code>&lt;B&gt;Hello world !&lt;/B&gt;</code>  |
| <code>&lt;I&gt;...&lt;/I&gt;</code>  | Dạng chữ nghiêng  | <code>&lt;I&gt;Hello world !&lt;/I&gt;</code>  |
| <code>&lt;U&gt;...&lt;/U&gt;</code>  | Dạng chữ gạch chân  | <code>&lt;U&gt;Hello world !&lt;/U&gt;</code>  |
| <code>&lt;S&gt;...&lt;/S&gt;</code>  | Dạng chữ gạch giữa  | <code>&lt;S&gt;Hello world!&lt;/S&gt;</code>   |
| <code>&lt;Font color=RGB<br/>face=tên font<br/>Size="N"&gt; .....<br/>&lt;/Font&gt;</code> | Định dạng font chữ:<br>Color: chỉ định màu<br>Face: Chỉ định font chữ<br>Size: kích thước | <code>&lt;Font color="Blue"<br/>face="Arial"&gt;Hello world<br/>&lt;/Font&gt;</code> |
| <code>&lt;Sup&gt;...&lt;/Sup&gt;</code>  | Tạo chỉ số trên   | <code>X&lt;Sup&gt;2&lt;/Sup&gt;</code> → $X^2$                                       |
| <code>&lt;Sub&gt;...&lt;/Sub&gt;</code>  | Tạo chỉ số dưới   | <code>H&lt;Sub&gt;2&lt;/Sub&gt;O</code> → $H_2O$                                     |

## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

| Tên thẻ   | Giải thích  | Ví dụ   |
|---|---|---|
| <BR>  | Xuống dòng  |   |
| <p align="..." ><br>.....<br></p>                                 | Tạo đoạn văn bản mới<br>Align: chỉ định hình thức canh lề   | <p align="Left"><br>Hello world !<br></p>                   |
| <HR Align="..." Color = "..."<br>SIZE = "..."<br>WIDTH = "..." /> | Tạo đường gạch ngang<br>Color: màu<br>Size: độ dày (tính bằng pixel)<br>Width: độ dài (tính bằng pixel) | <HR            Color="Red"<br>Size="10"    Width="200"<br>> |



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

- **Các thuộc tính quan trọng của thẻ <P></P>:**

- ❖ **Align:**

- ✓ Left: Canh trái
- ✓ Center: Canh giữa
- ✓ Right: Canh phải
- ✓ justify: Canh đều

- ❖ **Style:**

- ✓ Margin-top: Canh lề trên của đoạn
- ✓ Margin-left: Canh lề trái của đoạn
- ✓ Margin-right: Canh lề phải của đoạn
- ✓ Margin-bottom: Canh lề dưới của đoạn
- ✓ Direction: Chỉ định chiều văn bản (từ trái sang phải "ltr" hoặc từ phải sang trái "rtl")



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### Ví dụ:

1. Định dạng đoạn văn bản thao dạng canh đều, chiều văn bản đi từ phải sang trái, khoảng cách trên: 3, dưới: 3, trái và phải là mặc định.
2.  $\sin^2 x + \cos^2 x = 1$
3.  $H_2 + O_2 \rightarrow H_2O$

### Giải

1. `<P Align="justify" Style="Margin-top:3px ; Margin-bottom: 3px ; Direction: rtl">....</P>`
2.  $\sin^{<Sup>2</Sup>x} + \cos^{<Sup>2</Sup>x} = 1$
3.  $H^{<Sub>2</Sub>} + O^{<Sub>2</Sub>} \rightarrow H^{<Sub>2</Sub>}O$

## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### ❖ Các thẻ hình ảnh và âm thanh:

#### ■ Chèn hình vào web:

```
<IMG src="..." width="..." height="..." border="..." alt="..." />
```

#### Các thuộc tính (thẻ IMG):

- ✓ Src: là đường dẫn của file ảnh
- ✓ Height: Chỉ định chiều cao của ảnh. Nếu không chỉ định thì sẽ lấy chiều cao hiện tại của ảnh.
- ✓ Width: chỉ định độ rộng của ảnh. Nếu không chỉ định thì sẽ lấy chiều rộng hiện tại của ảnh.
- ✓ Border: chỉ định độ dày của khung bao quanh ảnh
- ✓ Alt: là chuỗi văn bản xuất hiện khi đưa trỏ chuột vào ảnh.

#### ■ Đưa nhạc nền vào web:

```
<BGSOUND src = "..." loop = "...">
```



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### Các thuộc tính:

- ✓ Src: là đường dẫn của file âm thanh (\*.mid, \*.wav, ...)
- ✓ Loop: số lần lặp lại bài nhạc. Nếu loop= -1 hoặc “infinite” thì sẽ lặp đến khi chuyển sang trang mới web.

### ■ Chèn âm thanh, phim:

<EMBED src = “...” autostart = “...” loop = “N” />

### Các thuộc tính:

- ✓ Src: là đường dẫn của file bài hát/phim
- ✓ Autostart: nếu là true tự động thực hiện bài hát.
- ✓ Loop: số lần lặp lại bài nhạc. Nếu loop = true hoặc “infinite” thì sẽ lặp đến khi chuyển sang trang mới web.



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### Banner động

```
<object width="320" height="400" data="flash_video.swf">
</object>
```

### Video Youtube

```
<iframe width="560" height="315"
src="https://www.youtube.com/embed/vq3GIW82oRg"
frameborder="0" allowfullscreen="allowfullscreen">
</iframe>
```

Xin chào bạn!!!






Video Youtube: width=500 height=500

## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### HTML5

`<audio autoplay="autoplay" controls="controls"> <source  
 src="audio.mp3" type="audio/mpeg" />` Your browser does  
 not support the audio tag (trình duyệt không hỗ trợ thẻ  
 audio) `</audio>`

`<video width="320" height="240" controls autoplay>  
 <source src="movie.mp4" type="video/mp4"> <source  
 src="movie.ogg" type="video/ogg">` Your browser does not  
 support the video tag. `</video>`

| Element                    |  |  |  |  |  |
|----------------------------|---|---|---|---|---|
| <code>&lt;video&gt;</code> | 4.0   | 9.0   | 3.5   | 4.0   | 10.5  |



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### ❖ Tạo các liên kết (Hyper link):

#### ■ Tạo liên kết đến trang web khác:

`<A href = "url" target = "...">Text </A>`

Trong đó:

- ✓ Url: là đường dẫn/địa chỉ của của trang web chuyển đến.
- ✓ Target có thể là các giá trị sau:
  - ☞ “\_new” hoặc “\_blank”: trình duyệt sẽ phải mở trang web đích trong một cửa sổ mới
  - ☞ “\_top”, “\_parent”, “\_self”: dùng cho những trang web có chứa frame.
- ✓ Text: là đoạn văn bản hiển thị để người dùng click vào.

#### ■ Tạo liên kết đến E-mail:

`<A href = "mailto:Địa chỉ E-mail" >Text</A>`



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### ❖ Tạo các liên kết (Hyper link):

#### ■ Tạo liên kết bên trong (liên kết nội) của trang web:

Là liên kết đến từng đoạn văn bản trong trang web.

```
<A href = "#Tên của đoạn">Text</A>
```

**Trong đó:** Chỉ mục/tên của đoạn được tạo như sau:

```
<A name = "Tên đoạn">Text</A>
```

Được đặt ở đầu đoạn

#### ■ Tạo dòng chữ chạy trên trang web:

```
<MARQUEE direction = "..." behavior = "..." height = "..."  
width = "..." scrollamount = "N" scrolldelay = "M">Text  
</MARQUEE>
```

## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### Trong đó:

- ✓ Direction: hướng chuyển động của dòng chữ “Text”
- ✓ Behavior: hình thức chuyển động: scroll, alternate, slide
- ✓ Height, Width: chiều cao và chiều rộng
- ✓ Scrollamount, Scrolldelay: chỉ định tốc chuyển động.



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### ❖ Tạo bảng (Table)

```
<TABLE align = “...” background = “url” bgcolor = “RGB”  
border = “...” cellpadding = “...” width = “...” height=“...” >
```

#### Trong đó:

- ✓ Align: lề của bảng: “left” hoặc “right”
- ✓ Background: chỉ định file ảnh nền của bảng
- ✓ Bgcolor: màu nền của bảng
- ✓ Border: đường viền bảng (tính bằng pixel)
- ✓ Cellpadding: khoảng cách từ các cạnh của ô tới nội dung của ô (tính bằng pixel)
- ✓ Width, Height : độ rộng, cao của bảng (tính theo % hoặc tính bằng pixel)



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### ❖ Tạo bảng (Table)

#### Thêm dòng vào bảng:

```
<TR align = “...” background = “url” bgcolor = “RGB”  
valign= “...” > ... </TR>
```

#### Trong đó:

- ✓ Align: lề của các ô trong dòng: “left”, “right” hoặc “center”.
- ✓ Background: đường dẫn file ảnh nền của dòng .
- ✓ Bgcolor: màu nền của dòng
- ✓ Valign: lề theo chiều dọc của văn bản trong các ô trên dòng: “top”, “bottom”, “middle”.

#### Chú ý:

Thẻ <Tr> phải nằm trong thẻ <Table></Table>

## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### ❖ Tạo bảng (Table)

#### Thêm ô vào bảng:

```
<TD align="..." background = "url" bgcolor = "RGB"
    rowspan = "N" colspan = "M" valign = "..." > ... </TD>
```

#### Trong đó:

- ✓ Align: lề của ô: "left", "right" hoặc "center".
- ✓ Background: đường dẫn file ảnh nền của dòng .
- ✓ Bgcolor: màu nền của ô
- ✓ Valign: lề theo chiều dọc của văn bản trong các ô trên dòng: "top", "bottom", "middle".
- ✓ Rowspan: số ô trải dài trên N dòng
- ✓ Colspan: Số ô trải rộng trên M cột

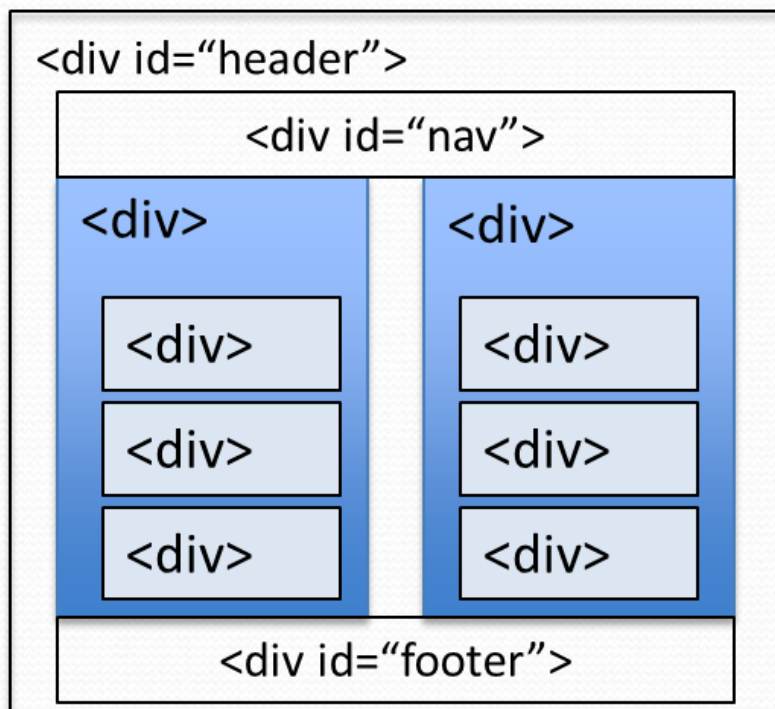
**Chú ý:** Thẻ <TD> phải nằm trong thẻ <TR></TR>



## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)

### ❖ Div

Thẻ HTML <div> được sử dụng để định nghĩa một khu vực trong tài liệu của bạn. Với thẻ div, bạn có thể nhóm các khu vực lớn của các phần tử HTML với nhau và định dạng chúng với CSS.





# Một số thẻ HTML thông dụng (tt)



```
<!DOCTYPE html>
<html lang="vi">
  <head>
    <title>Ví dụ về div</title>
  </head>
  <body>
    <!--Phần #header-->
    <div id="header">
      <h1>Tiêu đề website</h1>
      <p>Mô tả của website</p>
    </div>
    <!--Kết thúc #header-->

    <!--Phần nội dung-->
    <div id="content">
      <p>Nội dung bài viết ở đây.</p>
    </div>
    <!--Kết thúc nội dung-->

    <!--Phần sidebar-->
    <div id="sidebar">
      <p>Đây là sidebar</p>
    </div>
    <!--Kết thúc sidebar-->
    <!--Phần chân trang-->
    <div id="footer">
      <p>Copyright © 2015 DNC Blog.</p>
    </div>
    <!--Kết thúc chân trang-->
  </body>
</html>
```

## Một số thẻ HTML thông dụng (tt)



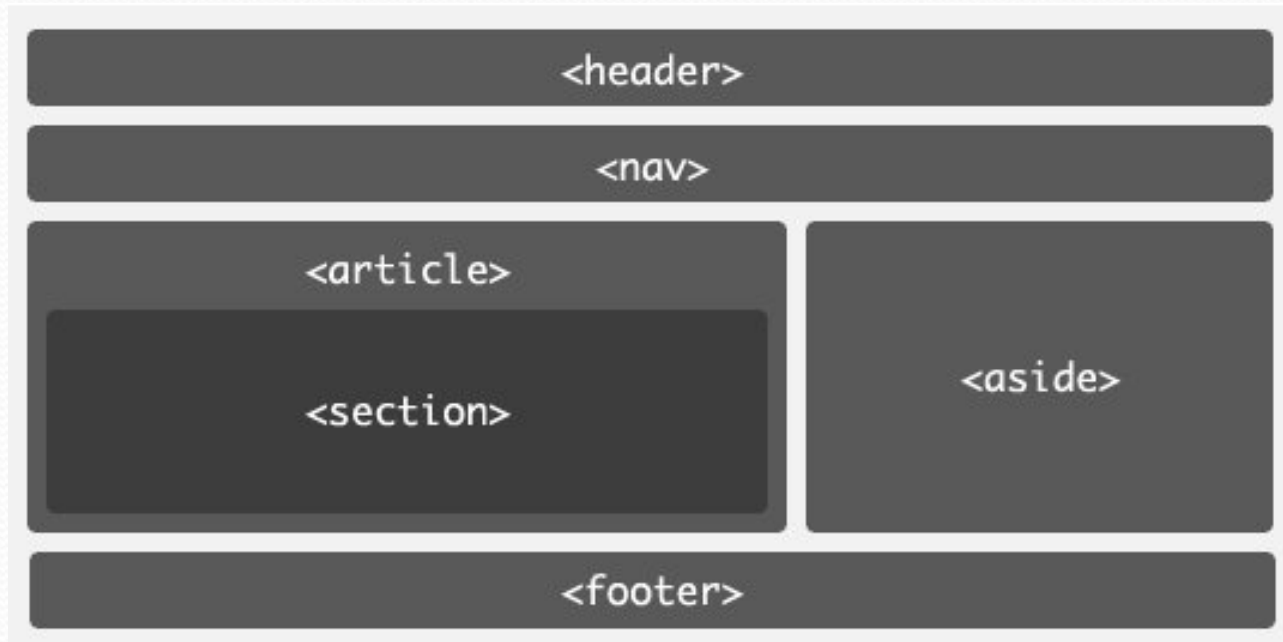
**Div**

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
  <title>Xem ví dụ</title>
  <meta charset="utf-8">
</head>
<body>
<div id="header">
  <h2>WEB CƠ BẢN</h2>
  <p>(TRANG CHIA SẺ TÀI LIỆU HỌC LẬP TRÌNH
  WEB MIỄN PHÍ)</p>
</div>
  <div id="content">
    <h3><u>BÀI HƯỚNG DẪN SỐ 2</u></h3>
    <p>.....</p>
  </div>
  <div id="footer">Thông tin bản quyền</div>
</body>
</html>
```



# HTML 5

- Năm xuất bản 2014



# HTML5 (tt)

```
<html>
  <head>vinasupport.com</head>
  <body>
    <header>...</header>
    <nav>...</nav>
    <article>
      <section>
        ...
      </section>
    </article>
    <aside>...</aside>
    <footer>...</footer>
  </body>
</html>
```



# Một số thẻ HTML5 thông dụng

## ❖ article

Định nghĩa một bài viết một nội dung riêng biệt.

Thường được sử dụng:

- Tin tức
- Comment
- Nội dung quảng cáo
- Blog, forum post

**Ví dụ:**

```
<article>
```

```
<p>Tin trong ngày</p>
```

```
<p>Công nghệ ngày càng tiến sâu vào đời sống chúng ta...</p>
```

```
</article>
```

# Một số thẻ HTML5 thông dụng

## ❖ section

Định nghĩa các phần trong tài liệu, chẳng hạn như chương, tiêu đề, chân trang hoặc bất kỳ phần nào khác của tài liệu

*Ví dụ:*

**<section>**

**<h1>WWF</h1>**

**<p>The World Wide Fund for Nature (WWF) is....</p>**

**</section>**



# Một số thẻ HTML5 thông dụng

## ❖ footer

Xác định chân trang cho tài liệu hoặc thẻ section.

Thẻ thường chứa các thông tin:

- Tác giả
- Thông tin copyright
- Thông tin liên hệ
- Site map

*Ví dụ:*

**<footer>**

**<p>Posted by: admin</p>**

**<p>Contact information: <a href="mailto:dnc@moet.edu.vn">  
dnc@moet.edu.vn</a>.</p>**

**</footer>**

# Một số thẻ HTML5 thông dụng

## ❖ **aside**

Định nghĩa một nội dung ngoài nội dung đặt trong đó thường dùng để tạo slide bar

*Ví dụ:*

**<aside>**

**<div class="widget">**

**<h4>Widget Title</h4>**

**<p>The Epcot Center is a theme park in Disney.</p>**

**</div>**

**</aside>**



# Một số thẻ HTML5 thông dụng

## ❖ nav

Định nghĩa một tập hợp các liên kết điều hướng, thường dùng để tạo menu hoặc danh sách liên kết trên trang web

***Ví dụ:***

**<nav>**

**<a href="https://vinasupport.com">Thủ thuật tin học</a> |**

**<a href="/html/">HTML</a> |**

**<a href="/css/">CSS</a> |**

**<a href="/js/">JavaScript</a> |**

**<a href="/jquery/">jQuery</a>**

**</nav>**

# Một số thẻ HTML5 thông dụng

## ❖ video

Định nghĩa một video hoặc một video. Nếu trình duyệt không hỗ trợ video sẽ hiển thị đoạn text nằm trong thẻ video.

Thường dùng kèm thẻ <source>

**Ví dụ:**

```
<video controls="controls">
    <source src="movie.mp4" type="video/mp4">
    <source src="movie.ogg" type="video/ogg">
</video>
```



# THIẾT KẾ MỘT WEB SITE THẾ NÀO ?

## Phân tích hệ thống web site:

- ☞ Tìm hiểu đối tượng (khách hàng, người truy cập) của web site.
- ☞ Tìm hiểu các yêu cầu của khách hàng.
- ☞ Xây dựng mô hình hệ thống của web site:
  - ✓ Chức năng của từng trang
  - ✓ Cấu trúc của các trang
  - ✓ Mối liên kết giữa các trang
  - ✓ Xây dựng các mô hình cơ sở dữ liệu (nếu cần thiết)
- ☞ Thu thập thông tin cần thiết (do khách hàng cung cấp) để xây dựng nội dung cho các trang web.

## Xây dựng từng trang web cụ thể:

- ☞ Cần liên hệ với nhà cung cấp Host để biết được các thông tin về hệ thống mà web site sau này sẽ vận hành.
- ☞ Nếu có nhiều người cùng tham gia: nên quy ước cách đặt tên các trang web (tên file), tên các thư mục, tên biến ...
- ☞ Cần chú ý sử dụng **đường dẫn tương đối** khi đưa hình ảnh, âm thanh hay tạo các liên kết giữa các trang (copy các file ảnh/âm thanh vào thư mục của web site **trước khi** chèn chúng vào các trang web)
- ☞ Giao diện: đơn giản, thân thiện, dễ dùng, hình ảnh, âm thanh, màu sắc, ... tùy thuộc vào mục đích của web site.
- ☞ Xây dựng nội dung cho trang web: xúc tích và chính xác.



- ☞ Khi lập trình cần chú ý đến thời gian thực hiện.
- ☞ Chú ý đến vấn đề bảo mật thông tin (nếu cần thiết).

## **Chạy thử trên hệ thống mạng Intranet hoặc Internet**

- ☞ Đưa web site vào vận hành thử nghiệm.
- ☞ Phát hiện và khắc phục lỗi.
- ☞ Nhận ý kiến đóng góp (về giao diện, chức năng, ...)
- ☞ Chỉnh sửa lần cuối.

## **Bảo trì và nâng cấp:**

- ☞ Cần phải tiếp thu các công nghệ mới để có thể nâng cấp web site nếu cần thiết.

# Bài tập

## Bài 1: (table03)

### Table headers:

| Name       | Telephone  | Telephone  |
|------------|------------|------------|
| Bill Gates | 555 77 854 | 555 77 855 |

### Vertical headers:

|                    |            |
|--------------------|------------|
| <b>First Name:</b> | Bill Gates |
| <b>Telephone:</b>  | 555 77 854 |
| <b>Telephone:</b>  | 555 77 855 |



## Bài 2: (table04)

### Table headers:

| Name       | Telephone  | Telephone  |
|------------|------------|------------|
| Bill Gates | 555 77 854 | 555 77 855 |

### Vertical headers:

|                    |                       |
|--------------------|-----------------------|
| <b>First Name:</b> | Bill Gates            |
| <b>Telephone:</b>  | 555 77 854 555 77 855 |
| <b>Telephone:</b>  |                       |

## Bài 3:

Tạo một bảng:

| STT | Tên bài ví dụ         |
|-----|-----------------------|
| 1   | Ví dụ về định dạng VB |
| 2   | Ví dụ về hình ảnh     |
| 3   | Ví dụ về table        |

Trong đó mỗi tiêu đề chứa link liên kết đến file ví dụ mở ra một cửa sổ mới.



## Bài 4:

**This text is bold**

**This text is strong**

This text is big

*This text is emphasized*

*This text is italic*

This text is small

This is <sub>subscript</sub> and <sup>superscript</sup>